

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NĐ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 17-11-2022

V/v: Ly hôn giữa chị T và anh V

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu
Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Anh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh NĐ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2022/TLPT-HNGĐ ngày 20/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 109/2022/HNGĐ-ST ngày 06/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hải H- tỉnh NĐ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2022/QĐ-PT ngày 01/11/2022 giữa các đương sự:

+Nguyên đơn:Chị Phạm Thị T - Sinh năm 1979

ĐKKHKT: Tổ dân phố số 2 -thị trấn Yên Đ - huyện Hải H- tỉnh NĐ

+ Bị đơn:Anh Vũ Đình V (tên gọi khác Vũ Văn V) - Sinh năm 1970

ĐKKHKT: Xóm 2 - xã Hải H- huyện Hải H- tỉnh NĐ

Hiện đăng ký tạm trú tại: Số 296 Võ Văn N - phường Bình T - Thủ Đ - TP Hồ Chí M

+ **Người kháng cáo:** Bị đơn anh Vũ Đình V (tên gọi khác Vũ Văn V).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Vũ Đình V tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 31-10-1997 tại Ủy ban nhân dân xã Hải H- huyện Hải H- tỉnh ND. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh V tại xã Hải H đến năm 1998 thì chuyển đến làm ăn, sinh sống tại tổ dân phố số 2 - thị trấn Yên Đ. Khoảng năm 2001, vợ chồng bán nhà, đưa nhau vào phía nam sinh sống và làm kinh tế. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do công việc làm ăn không thuận lợi, kinh tế khó khăn, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau. Từ năm 2018, mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng, anh V nhiều lần sử dụng vũ lực với chị T. Xác định không thể tiếp tục chung sống với anh V nên tháng 11/2019 chị T đã chủ động ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm với anh V. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị T, anh V có 02 con chung là Vũ Tiến A, sinh ngày 15-11-1998 và Vũ Thị Bình A, sinh ngày 05-7-2012. Hiện nay, cháu Tiến A đã thành niên, lao động tự lập được nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do cháu A đang ở với anh V nên chị T đề nghị Tòa án giao anh V tiếp tục nuôi dưỡng; chị T không phải cấp dưỡng nuôi cháu A cho anh V.

Về tài sản: Chị T và anh V không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại bản tự khai, và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Vũ Đình V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Thị T về thời gian, địa điểm kết hôn. Anh V cũng xác định sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có nhiều biểu hiện không chung thủy với anh V. Tuy vậy, vì các con còn nhỏ nên anh V vẫn chấp nhận tha thứ, tìm mọi biện pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tháng 1/2019, gia đình về quê dự đám cưới cháu Anh V, chị T bỏ nhà đi, chủ động cắt đứt mọi liên hệ với anh V và các

con. Cuối năm 2021, biết tin gia đình làm thủ tục sang cát cho bố đẻ chị T, anh V đã về báo hiếu lần cuối. Anh V đã gặp, động viên chị T đoàn tụ gia đình nhưng một lần nữa chị T kiên quyết từ chối, không cho anh V cơ hội gặp gỡ. Thực tế, anh V và chị T đã ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ đầu năm 2019 nhưng do tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh V không nhất trí yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Thị T về các con chung. Hiện cháu Tiến A đã thành niên, cháu Vũ Thị Bình A đang do anh V nuôi dưỡng. Trường hợp tòa án giải quyết ly hôn, anh V nhận tiếp tục nuôi cháu A, không đề nghị chị T cấp dưỡng. Do cháu A còn nhỏ nên anh V từ chối việc Tòa án ghi ý kiến của cháu A về nguyện vọng của cháu A khi bố mẹ ly hôn.

Về tài sản: Chị T, anh V đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản nên anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 109/2022/HNGĐ-ST ngày 06/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hải H- tỉnh ND, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Vũ Đình V (Vũ Văn V).

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Bình A, sinh ngày 05-7-2012 cho anh Vũ Đình V nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh V mà được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở quyền thăm nom con chung nhưng chị T không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con. Hiện cháu A đang do anh V nuôi dưỡng nên chị T không phải thực hiện nghĩa vụ giao con cho anh V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 15/6/2022, bị đơn anh Vũ Đình V (Vũ Văn V) có đơn kháng cáo với nội dung: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã có những vi phạm thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nên đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm; Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm; Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 296 BLTTDS, chấp nhận yêu cầu xin được vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm của nguyên đơn và bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự; đã bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

Về nội dung kháng cáo: Lý do kháng cáo anh Vũ Đình V (Vũ Văn V) cho rằng Hội đồng xét xử sơ thẩm đã có những vi phạm thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, nên đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án, là không có căn cứ pháp lý, không được chấp nhận, vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Đình V (Vũ Văn V), giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn anh Vũ Đình V (Vũ Văn V) làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Vũ Đình V (Vũ Văn V):

+ Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị T và bị đơn anh Vũ Đình V đều có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 296 BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục tiến hành phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bảo đảm được quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự trong vụ án.

+ Về nội dung: Chị Phạm Thị T và anh Vũ Đình V (Vũ Văn V) tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải H- huyện Hải H- tỉnh ND vào năm 1997, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Vũ Đình V (Vũ Văn V) là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quyền nuôi con chung sau khi ly hôn: Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, chị T và anh V đều có quan điểm thống nhất: Khi vợ chồng ly hôn, do cháu Vũ Tiến A đã thành niên, lao động tự lập được nên anh V chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Vũ Thị Bình A hiện chưa đủ 18 tuổi, cháu A đang ở với anh V nên chị T và anh V đều thống nhất đề nghị Tòa án giao anh V tiếp tục nuôi dưỡng; chị T không phải cấp dưỡng nuôi cháu A cho anh V.

Trên cơ sở sự tự nguyện thống nhất của anh V và chị T về việc nuôi con chung sau khi ly hôn, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Vũ Thị Bình A, sinh ngày 05-7-2012 cho anh Vũ Đình V nuôi dưỡng cho đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự lập được. Chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh V, được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở quyền thăm nom con chung, nhưng chị T không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con chung của anh V, là có căn cứ pháp lý - phù hợp thực tế, bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên theo quy định của Luật trẻ em và Luật hôn nhân và gia đình.

Kháng cáo của anh Vũ Đình V (tên gọi khác Vũ Văn V) cho rằng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không khách quan trong quá trình giải quyết vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự là không có căn cứ pháp lý nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Vũ Đình V (tên gọi khác Vũ Văn V) không được chấp nhận nên anh V phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Vũ Đình V (tên gọi khác Vũ Văn V); giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2.1. Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Vũ Đình V (tên gọi khác Vũ Văn V).

2.2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Bình A, sinh ngày 05-7-2012 cho anh Vũ Đình V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu A thành niên và có khả năng lao động tự lập được.

Chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V; chị T có quyền - nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Vũ Đình V (tên gọi khác Vũ Văn V) phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh V đã nộp tại biên lai số 0006247 ngày 13-7-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải H, xác định anh V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ND
- TAND huyện Hải H;
- Chi cục THADS huyện Hải H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Mai Hương